**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**

**MÔN CÔNG NGHỆ, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | | **% tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | **Số CH** | | **Thời gian (phút)** |
| **Số CH** | **Thời gian** (phút) | **Số CH** | **Thời gian** (phút) | **Số CH** | **Thời gian** (phút) | **Số CH** | **Thời gian** (phút) | **TN** | **TL** |
| **1** | **Mở đầu về trồng trọt** | ***Vai trò và triển vọng của trồng trọt*** | 1 | 1,5 |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1,5 | **5,0** |
| ***Một số nhóm cây trồng phổ biến*** | 2 | 3 |  |  |  |  |  |  | 2 |  | 6 | **10,0** |
| ***Phương thức trồng trọt*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Ngành nghề trong trồng trọt*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Quy trình trồng trọt** | ***Làm đất bón phân lót*** | 3 | 4,5 |  |  |  |  |  |  | 3 |  | 4,5 | **15,0** |
| ***Gieo trồng*** |  |  | 1 | 3 |  |  |  |  | 1 |  | 3 | **5,0** |
| ***Chăm sóc*** |  |  | 1 | 3 | 1 | 6 |  |  | 1 | 1 | 9 | **25,0** |
| ***Phòng trừ sâu bệnh hại*** |  |  | 1 | 3 |  |  | 1 | 9 | 1 | 1 | 12 | **15,0** |
| ***Thu hoạch sản phẩm trồng trọt*** | 1 | 1,5 |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1,5 | **5,0** |
| ***Lập kế hoạch, tính toán chi phí*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Nhân giống cây trồng*** |  |  | 1 | 3 |  |  |  |  | 1 |  | 3 | **5,0** |
| **3** | **Trồng, chăm sóc bảo vệ rừng** | ***Vai trò của rừng*** | 1 | 1,5 |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1,5 | **5,0** |
| ***Các loại rừng phổ biến*** |  |  | 1 | 3 |  |  |  |  | 1 |  | 3 | **5,0** |
| ***Trồng rừng*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Chăm sóc rừng*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Bảo vệ rừng*** |  |  | 1 | 3 |  |  |  |  | 1 |  | 3 | **5,0** |
| **Tổng** | | | **8** | **12** | **6** | **18** | **1** | **6** | **1** | **9** | **14** | **2** | **45** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | | **70** | **30** | **100** | **100** |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | | **70** | | | | **30** | | | |  | | **100** | **100** |

**Bản đặc tả đề kiểm tra cuối học kì I môn Công nghệ 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | Mở đầu về trồng trọt | 1.1.Vai trò, triển vọng của trồng trọt | **Nhận biết:**  -Trình bày được vai trò của trồng trọt đối với đời sống con người và nền kinh tế.  - Nêu được triển vọng của trồng trọt ở Việt Nam | 1 |  |  |  |
| 1.2.Các nhóm cây trồng | **Nhận biết:**   * Kể tên được các nhóm cây trồng phổ biến ở Việt Nam (cây lương thực, cây ăn quả, cây rau…). Cho ví dụ minh họa.   **Thông hiểu**   * Nêu được bộ phận sử dụng và mục đích sử dụng của một số loại cây trồng phổ biến. | 2 |  |  |  |
| 1.3.Phương thức trồng trọt | **Nhận biết:**   * Nêu được các phương thức trồng trọt phổ biến ở nước ta.   **Thông hiểu:**   * Nêu được ưu, nhược điểm của các phương thức trồng trọt phổ biến ở nước ta.   **Vận dụng**  Đề xuất được phương thức trồng trọt phù hợp cho một số đối tượng cây trồng phổ biến ở địa phương |  |  |  |  |
| 1.4.Trồng trọt công nghệ cao | **Nhận biết:**  Nhận biết được các đặc điểm cơ bản của trồng trọt công nghệ cao |  |  |  |  |
| 1.5.Ngành nghề trong trồng trọt | **Nhận biết:**  -Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong trồng trọt.  **Thông hiểu:**  - Nhận thức được sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong trồng trọt |  |  |  |  |
| 2 | Quy trình trồng trọt | 2.1.Làm đất, bón phân lót | **Nhận biết:**  - Kể tên được các công việc làm đất trồng cây, các cách bón phân lót.  - Trình bày được mục đích của việc làm đất, bón phân lót.  **Thông hiểu**  - Trình bày được yêu cầu kĩ thuật của việc làm đất.  - Trình bày được yêu cầu kĩ thuật của việc bón phân lót.  **Vận dụng:**  - Trình bày được yêu cầu kĩ thuật của việc làm đất, bón phân lót cho một đối tượng cây trồng cụ thể.  - Vận dụng kiến thức làm đất và bón phân lót với thực tiễn sản xuất ở gia đình, địa phương. | 3 |  |  |  |
| 2.2. Gieo trồng | **Nhận biết:**  - Nêu được các phương thức gieo trồng phổ biến.  - Nêu được các mùa vụ gieo trồng chính ở nước ta.  **Thông hiểu**  - Trình bày được yêu cầu kĩ thuật của việc của việc gieo trồng  ở gia đình, địa phương |  | 1 |  |  |
| 2.3. Chăm sóc | **Nhận biết:**  1 1  - Kể tên được các công việc chính để chăm sóc cây trồng.  -Trình bày được mục đích của việc chăm sóc cây trồng  **Thông hiểu**  - Trình bày được yêu cầu kĩ thuật của việc chăm sóc cây trồng (tỉa dặm cây, làm cỏ, vun xới, tưới tiêu nước, bón phân thúc).  **Vận dụng:**  - Vận dụng kiến thức về chăm sóc cây trồng với thực tiễn  sản xuất ở gia đình, địa phương. |  | 1 | 1 |  |
| 2.4. Phòng trừ sâu bệnh hại | **Nhận biết:**  - Kể tên được một số biện pháp chính phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng.  - Trình bày được nguyên tắc của việc phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng cây trồng.  - Nêu được mục đích của việc phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng cây trồng  **Thông hiểu**  - Trình bày được yêu cầu kĩ thuật của các biện pháp phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng.  - Trình bày được ưu, nhược điểm của các biện pháp phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng.  **Vận dụng cao:**  - Lựa chọn được các phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng phù hợp với thực tiễn sản xuất ở gia đình, địa phương. |  | 1 |  | 1 |
| 2.5. Thu hoạch sản phẩm trồng trọt | **Nhận biết:**  - Kể tên được một số biện pháp chính trong thu hoạch sản phẩm trồng trọt. Cho ví dụ minh họa.  - Trình bày được mục đích của việc thu hoạch sản phẩm trồng trọt  **Thông hiểu**  - Trình bày được yêu cầu kĩ thuật của một số biện pháp thu hoạch sản phẩm trồng trọt.  **Vận dụng:**  - Lựa chọn được biện pháp thu hoạch sản phẩm trồng trọt phù hợp với thực tiễn ở gia đình, địa phương | 1 |  |  |  |
| 2.6. Nhân giống cây trồng bằng giâm cành | **Nhận biết:**  1  **-** Nêu được các bước trong quy trình giâm cành.  **Thông hiểu**  Trình bày được yêu cầu kĩ thuật của các bước trong quy trình giâm cành.  **Vận dụng:**  Vận dụng kiến thức về giâm cành vào thực tiễn sản xuất ở gia đình, địa phương. |  | 1 |  |  |
| 2.7. Lập kế hoạch, tính toán chi phí trồng, chăm sóc | **Thông hiểu**  - Giải thích được lý do lựa chọn đối tượng cây trồng, nguyên vật liệu phục vụ trồng và chăm sóc cây.  **Vận dụng cao**:  - Lập được kế hoạch, tính toán được chi phí để trồng và chăm sóc một loại cây trồng phù hợp |  |  |  |  |
| 3 | Giới thiệu về rừng | 3.1.Vai trò của rừng | **Nhận biết:**  - Trình bày được khái niệm về rừng, các vai trò chính của rừng.  **Thông hiểu**  - Trình bày được vai trò của từng loại rừng. | 1 |  |  |  |
| 3.2.Các loại rừng phổ biến | **Nhận biết:**  - Nêu được các loại rừng phổ biến ở nước ta.  **Thông hiểu**  - Phân biệt được các loại rừng phổ biến ở nước ta (rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất). |  | 1 |  |  |
| 4 | Trồng chăm sóc và bảo vệ rừng | 4.1.Trồng chăm sóc rừng | **Nhận biết**:   * Tóm tắt được quy trình trồng rừng bằng cây con rễ trần. * Nêu được các công việc chăm sóc rừng.   **Thông hiểu**   * Giải thích được ý nghĩa của các bước trong quy trình trồng rừng. * Giải thích được ý nghĩa của các bước trong quy trình chăm sóc rừng.   **Vận dụng:**   * Vận dụng kiến thức trồng, chăm sóc rừng vào thực tiễn sản xuất ở gia đình, địa phương. |  |  |  |  |
|  |  | 4.2. Bảo vệ rừng | **Nhận biết:**   * Trình bày được các biện pháp bảo việc bảo vệ rừng.   **Thông hiểu**   * Giải thích được ý nghĩa của việc bảo vệ rừng. * Nêu được một số việc nên làm và không nên làm để bảo vệ rừng.   **Vận dụng:**   * Vận dụng kiến thức bảo vệ rừng vào thực tiễn sản xuất ở gia đình, địa phương. |  | 1 |  |  |
|  | **Tổng** | | | **8** | **6** | **1** | **1** |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**

**NĂM HỌC 2022-2023**

**MÔN CÔNG NGHỆ 7**

**Thời gian 45 phút không kể thời gian giao đề**

1. **TRẮC NGHIỆM (7 điểm)**

**Câu 1.** Vai trò nào sau đây không phải của trồng trọt?

A. Cung cấp nguyên liệu cho chế biến sữa. B.Cung cấp gạo cho xuất khẩu.

C. Cung cấp thức ăn cho chăn nuôi. D. Cung cấp rau xanh cho con người

**Câu 2.** Loại cây trồng nào sau đây thuộc nhóm hoa, cây cảnh?

A. Cây lạc (đậu phụng). B. Mùng tơi. C. Cây điều. D. Cây hoa hồng

**Câu 3.**Nhóm cây trồng nào sau đây đều là cây rau?

A. Cà phê, lúa, ngô. B. X u hào,cải bắp, cà chua.

C. Khoai lang, khoai tây, mía. D. Bông, cao su,cà phê.

**Câu 4.** Trong các quy trình dưới đây, đâu là thứ tự đúng khi làm đất trồngcây?

1. Bừa hoặc đập nhỏ đất →Cày đất→Lên luống.
2. Cày đất →Lên luống→Bừa hoặc đập nhỏ đất.
3. Cày đất →Bừa hoặc đập nhỏ đất→Lên luống.
4. Lên luống→ Cày đất→ Bừa hoặc đập nhỏ đất.

**Câu 5**. Công việc nào dưới đây được thực hiện trước khi bón phân lót?

A.Trồng cây B. Gieo hạt. C. Tưới nước. D. Cày đất.

**Câu 6**. Một trong những công việc thường làm ngay sau khi trồng cây con là:

A. Bón phân cho cây. B. Làm cỏ dại.

C. Tưới nước đầy đủ. D. Đào hố trồng cây.

**Câu 7.** Một trong những nguyên tắc phòng trừ sâu bệnh là:

1. Ưu tiên sử dụng thuốc bảovệ thực vật hóa học.
2. Phòng là chính.
3. Phun thuốc với nồng độ cao hơn hướng dẫn sử dụng.
4. Phun thuốc với nồng độ thấp hơn hướng dẫn sử dụng.

**Câu 8**. Phương án nào sau đây **không** phải là một trong các phương pháp thu hoạch sản phẩm trồng trọt

1. Hái. B. Nhổ. . C. Bổ. D. Cắt

**Câu 9.**Trong nhân giống bằng phương pháp giâm cành,chọn cành giâm có đặc điểm nào sau đây?

A.Cành bánh tẻ B. Cành càng non càng tốt..

C.Cành càng già càng tốt. D. Cành càng to càng tốt.

**Câu 10**.Việc sử dụng thùng xốp đã qua sử dụng để trồng rau an toàn có ý nghĩa nào sau đây?

A. Giúp cây nhanh lớn. B. Hạn chế nguồn sâu bệnh.

C.Thuận lợi cho việc chăm sóc. D. Bảo vệ môi trường.

**Câu 11**. Bảo vệ di tích lịch sử, danh làm thắng cảnh là vai trò của loại rừng nào sau đây?

A. Rừng phòng hộ. B. Rừng đặc dụng.

C. Rừng sản xuất. D. Rừng đầu nguồn.

**Câu 12**. Để bảo vệ rừng chúng ta không nên làm việc nào sau đây?

A.Bảo vệ rừng đầu nguồn B. Tích cực trồng rừng.

C. Khai thác gỗ càng nhiều càng tốt. D. Chăm sóc rừng thường xuyên.

**Câu 13**. Việc bón phân định kì trong quá trình chăm sóc rừng có tác dụng nào sau đây?

1. Cung cấpchất dinh dưỡng cho cây rừng.
2. Hạn chế sự phát triển của sâu,bệnh hại.
3. Kích thích sự phát triển của cỏ dại.
4. Làm cho đất tơi xốp, tạo điều kiện cho rễ cây phát triển.

**Câu 14.** Một trong các công việc chăm sóc rừng là

A. Đố tnương làm rẫy B. Làm hàng rào bảo vệ.

C. Chăn thả gia súc. D. Phòng chống cháy rừng.

1. **TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 1:** (2 điểm) Để chăm sóc cây trồng cần thực hiện những công việc nào?

**Câu 2:** (1 điểm): Theo em, quy trình trồng cải xanh vừa học đã áp dụng các biện pháp trồng trọt hữu cơ như thế nào?

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

1. **TRẮC NGHIỆM 7 điểm mỗi câu 0,5 điểm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| Đáp án | A | D | B | C | D | C | B | C | A | D | B | D | A | B |

1. **TỰ LUẬN 3 điểm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| 1 | Để chăm sóc cây trồng cần thực hiện các công việc :   * Tỉa, dặm cây: tỉa bỏ cây yếu, cây bị sau bệnh, cây ở chỗ mọc dày; trồng cây khỏe vào chỗ hạt không mọc hoặc cây chết * Làm cỏ, vun xới: nhổ cỏ trên đất trồng; xới đât cho tơi xốp và vun vào gốc cây * Bón phân thúc: dùng phân hưu cơ ủ hoai hoặc phân vi sinh, phân hóa học * Tưới nước, tiêu nước: tưới nước định kì theo loại cây trồng; tạo rãnh thoát để tránh nước ứ đọng * Phòng trừ sâu, bệnh: theo dõi thường xuyên để kịp thời phát hiện và phòng trừ sâu bệnh cho cây. | 0,5 điểm  0,25điểm  0,25 điểm  0,25 điểm  0,25 điểm  0,5 điểm |
| 2 | Quy trình trồng cải xanh vừa học đã áp dụng các biện pháp trồng trọt hữu cơ:   - Không sử dụng thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ độc hại.  - Không sử dụng phân bón hóa học.  - Không sử dụng chất kích thích phát triển.  => Mang tới nguồn rau sạch, an toàn chất lượng cho người tiêu dùng. | (0,25 điểm)  (0,25 điểm)  (0,25 điểm)  (0,25 điểm) |